

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

- Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai:
 - + Kỳ báo cáo: Bán niên
 - + Năm: 2015

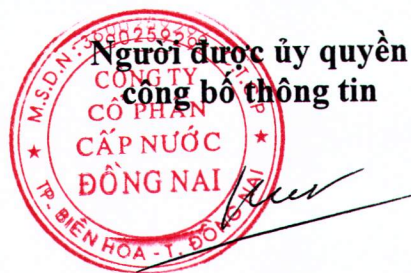
Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/08/2015 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân



Lê Duy Diệp



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 06 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 37
Phụ lục	38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã soát xét của Công ty cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND.

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 gồm:

Tên đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Quản lý ghi thu

Chi nhánh cấp nước Tân Định

Chi nhánh cấp nước Thiện Tân

Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc

Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch

Chi nhánh cấp nước Vĩnh An

Chi nhánh cấp nước Long Bình

Chi nhánh cấp nước Biên Hòa

Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai

Chi nhánh Khách sạn Công Đoàn

Địa chỉ

Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thị trấn Định Quán, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai

Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai

Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số 128/21 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên

Ông Vũ Văn Học

Ông Phan Hùng

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Ông Nguyễn Văn Bính

Ông Lê Duy Diệp

Ông Nguyễn Văn Thiện

Ông Võ Văn Bình

Chức danh

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên

Ông Nguyễn Tấn Dũng

Bà Phạm Thị Hồng

Bà Tăng Tổ Văn

Chức danh

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bính	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG



Số: 16.109/BCSX-DTL

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:
Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 38 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi các vấn đề sau:

Giám đốc của đơn vị đã thông báo cho chúng tôi là một khoản Vay dài hạn có gốc ngoại tệ đang được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị là 1.161 tỷ đồng, chưa được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015. Theo đánh giá của Giám đốc và kiểm tra của chúng tôi, nếu khoản vay nêu trên được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 thì giá trị khoản vay sẽ giảm thêm 60,6 tỷ đồng, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng thêm 60,6 tỷ đồng.

Ngoài ra, khoản mục Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đang được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 chưa bao gồm giá trị tài sản của "Dự án Nhơn Trạch giai đoạn I" đã được đưa vào sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đánh giá của Giám đốc và kiểm tra của chúng tôi, nếu giá trị tài sản của dự án này được ghi nhận thì khoản mục Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình sẽ làm tăng thêm 1.078,9 tỷ đồng. Đồng thời, khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" sẽ tăng thêm tương ứng là 10,7 tỷ đồng, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm xuống 10,7 tỷ đồng.

Tổng hợp ảnh hưởng của hai vấn đề trên sẽ làm cho chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng thêm 49,8 tỷ đồng.

(Phần tiếp theo trang 04)



Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.533.926.373	292.197.880.725
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	39.412.638.727	152.598.525.262
1. Tiền	111		39.412.638.727	152.598.525.262
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.614.119.307	78.713.794.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	68.567.653.614	61.762.532.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.198.454.081	9.413.416.724
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.848.011.612	7.537.845.625
IV. Hàng tồn kho	140		29.035.296.160	35.553.180.188
1. Hàng tồn kho	141	5.5	29.035.296.160	35.553.180.188
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.471.872.179	25.332.380.367
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.263.372.456	9.321.278.457
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	5.161.604.729	15.251.048.838
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.046.894.994	760.053.072
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.761.510.792.898	2.686.969.954.259
II. Tài sản cố định	220		1.441.413.123.037	1.510.655.838.804
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.416.882.037.403	1.485.741.368.541
- Nguyên giá	222		2.448.483.155.033	2.425.909.029.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.031.601.117.630)	(940.167.661.052)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	24.531.085.634	24.914.470.263
- Nguyên giá	228		26.900.949.338	26.760.949.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.369.863.704)	(1.846.479.075)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.201.334.438.204	1.055.217.300.007
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	1.201.334.438.204	1.055.217.300.007
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	117.252.944.380	117.252.944.380
1. Đầu tư vào công ty con	251		103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.454.402.290	10.454.402.290
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.069.722.490	3.069.722.490
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.510.287.277	3.843.871.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.510.287.277	3.843.871.068
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.930.044.719.271	2.979.167.834.984

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.769.427.484.142	1.853.228.808.102
I. Nợ ngắn hạn	310		369.407.786.046	925.518.820.893
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	25.074.642.126	55.902.948.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		780.104.439	3.888.194.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.890.254.181	31.322.234.846
4. Phải trả người lao động	314		3.837.450.140	770.431.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	5.163.628.853
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	14.900.589.503	466.690.976.414
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	313.331.672.475	351.720.167.579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.593.073.182	10.060.238.432
II. Nợ dài hạn	330		1.400.019.698.096	927.709.987.209
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	16.466.323.376	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		8.102.969.693	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	45.161.117.691	49.464.715.262
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	1.330.289.287.336	878.245.271.947
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.160.617.235.129	1.125.939.026.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14.1	1.159.917.537.030	1.125.112.319.074
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.2	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.552.270.309	15.552.270.309
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144.365.266.721	109.560.048.765
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		108.653.153.520	109.560.048.765
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.712.113.201	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		699.698.099	826.707.808
1. Nguồn kinh phí	431		699.698.099	826.707.808
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.930.044.719.271	2.979.167.834.984

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THANH TÂM

NGUYỄN THU OANH

PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	343.159.138.109	235.570.441.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	31.864.801	13.847.836
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		343.127.273.308	235.556.593.351
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	240.731.229.762	178.469.353.181
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.396.043.546	57.087.240.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	9.301.480.094	7.405.877.968
7. Chi phí tài chính	22	6.5	19.931.925.146	15.313.652.258
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		19.931.925.146	15.313.652.258
8. Chi phí bán hàng	24	6.6	29.605.003.269	21.237.330.553
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	18.971.172.994	15.680.500.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.189.422.231	12.261.635.306
11. Thu nhập khác	31		61.274.637	-
12. Chi phí khác	32		14.350.809	790.634.605
13. Lợi nhuận khác	40		46.923.828	(790.634.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.236.346.059	11.471.000.701
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	7.524.232.858	1.131.080.538
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.712.113.201	10.339.920.163

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THANH TÂM

NGUYỄN THU OANH

PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.236.346.059	11.471.000.693
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		84.990.850.975	69.000.000.000
- Các khoản dự phòng	03		-	(786.009.409)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.301.480.094)	(8.298.377.968)
- Chi phí lãi vay	06		19.931.925.146	15.313.652.258
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		138.857.642.086	86.700.265.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.413.586.044	30.734.877.666
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		772.519.228	(2.262.412.573)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(606.398.812.280)	17.773.358.776
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.333.583.791	-
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.931.925.146)	(15.313.652.258)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.054.377.915)	(1.333.203.879)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		929.619.451	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.056.629.160)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(510.134.793.901)	116.299.233.306
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.647.795.513)	(160.728.029.533)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.301.480.094	7.405.877.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.346.315.419)	(153.322.151.565)

(Phần tiếp theo trang 09)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	24.196.077.804
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	994.952.374.961	242.043.332.883
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(581.657.152.176)	(273.877.126.129)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		413.295.222.785	(7.637.715.442)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(113.185.886.535)	(44.660.633.701)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		152.598.525.262	66.191.892.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		39.412.638.727	21.531.259.142

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2015



GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần lượt là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Cuối kỳ		ĐVT: Nghìn đồng Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng	1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 916 (31/12/2014: 877).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, số 319B, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36,00%	36,00%	36,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2015 gồm:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Long Bình	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Biên Hòa	Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai	Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Khách sạn Công Đoàn	Số 128/21 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Trong kỳ, Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

4.2. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.24.

4.3. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.2.

4.4. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập

bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.7. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

4.8. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn khi có thời hạn phân bổ trên 12 tháng và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đánh giá lại tài sản cố phần hóa, chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng kho còn phải phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	10 năm

4.11. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là các giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao của lô đất từ 20 đến 46 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao trong 04 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có từ các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai ngày 26 tháng 12 năm 2014 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau

Quỹ đầu tư phát triển: 15% lợi nhuận sau thuế

Quỹ khen thưởng phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Dịch vụ lắp đặt: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Kiểm Toán, Kế Toán và Tư Vấn Thuế AAT.

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản		
Phải thu khác	7.537.845.625	6.957.401.328
Tài sản ngắn hạn khác	760.053.072	1.340.497.369
Cộng	8.297.898.697	8.297.898.697
Nguồn vốn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	207.693.867.048
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	351.720.167.579	-
Vay và nợ dài hạn	-	1.022.271.572.478
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	878.245.271.947	-
Phải trả ngắn hạn khác	466.690.976.414	98.995.332.752
Phải trả dài hạn khác	49.464.715.262	417.160.358.924
Cộng	1.746.121.131.202	1.746.121.131.202

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT 200	VND CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ- BTC
Tài sản		
Phải thu khác	7.537.845.625	6.957.401.328
Tài sản ngắn hạn khác	760.053.072	1.340.497.369
Cộng	8.297.898.697	8.297.898.697
Nguồn vốn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	207.693.867.048
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	351.720.167.579	-
Vay và nợ dài hạn	-	1.022.271.572.478
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	878.245.271.947	-
Phải trả ngắn hạn khác	466.690.976.414	98.995.332.752
Phải trả dài hạn khác	49.464.715.262	417.160.358.924
Cộng	1.746.121.131.202	1.746.121.131.202

4.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	73.565.204	157.568.714
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.339.073.523	152.440.956.548
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	39.412.638.727	152.598.525.262

(Phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con							
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	90.978.819.600	-	90.978.819.600	90.978.819.600	-	90.978.819.600	(a)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	12.750.000.000	-	12.750.000.000	12.750.000.000	-	12.750.000.000	(b)
Cộng	103.728.819.600	-	103.728.819.600	103.728.819.600	-	103.728.819.600	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai	8.616.434.630	-	8.616.434.630	8.616.434.630	-	8.616.434.630	(c)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới	1.837.967.660	-	1.837.967.660	1.837.967.660	-	1.837.967.660	(d)
Cộng	10.454.402.290	-	10.454.402.290	10.454.402.290	-	10.454.402.290	
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	-	1.039.722.490	1.039.722.490	-	1.039.722.490	
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	2.030.000.000	2.030.000.000	-	2.030.000.000	
Cộng	3.069.722.490	-	3.069.722.490	3.069.722.490	-	3.069.722.490	

(a) Khoản đầu tư này chiếm 52,44% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM với mã niêm yết NTW từ năm 2012. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch; xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM với mã niêm yết LKW từ năm 2012. Hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh là: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai là: khai thác nước phục vụ công nghiệp. Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch; lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm; xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.

(d) Khoản đầu tư này chiếm 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới là: Khai thác, lọc và phân phối nước; khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch; sản xuất nước uống tinh khiết; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước; lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; mua bán máy móc, thiết bị, phụ kiện ngành nước; sản xuất các sản phẩm cơ khí ngành nước. Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty chưa đi vào hoạt động ổn định.

(Phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Hoạt động cung cấp nước	67.230.750.567	60.687.906.213
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt	1.336.903.047	1.074.626.346
Cộng	68.567.653.614	61.762.532.559
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	3.948.971.796	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	1.278.687.360	878.687.360
Cộng	5.227.659.156	878.687.360

5.4. Phải thu khác

	Cuối kỳ		VND Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu tài sản trên đất của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Đồng Nai	1.753.316.818	-	1.753.316.818	-
Phải thu tiền tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	1.521.430.316	-	580.444.297	-
Phải thu Ngân sách tiền công trình di dời cầu bọm Xi nghiệp nước Biên Hòa	596.199.500	-	934.644.000	-
Tạm ứng bồi thường cho các hộ dân thuộc dự án cấp nước Nhơn Trạch	159.405.000	-	571.163.825	-
Phải thu khác	817.659.978	-	3.698.276.685	-
Cộng	4.848.011.612	-	7.537.845.625	-

5.5. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		VND Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.756.149.429	-	34.867.271.001	-
Công cụ, dụng cụ	279.146.731	-	685.909.187	-
Cộng	29.035.296.160	-	35.553.180.188	-

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Dự án cấp nước Nhơn Trạch	1.080.543.007.191	963.824.140.834
Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	17.241.623.652	15.029.319.371
Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng, TP. Biên Hòa giai đoạn 2 - 20.400m ³ /ngày	26.129.241.789	21.694.551.516
Hệ thống cấp nước Phường Bửu Hòa	19.388.339.935	18.566.727.343
Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom	10.204.153.687	10.204.153.687
Tuyến ống cấp nước VO Khu công nghiệp Loteco	8.088.416.939	5.998.519.464
Hệ thống cấp nước Trường Sỹ Quan Lục Quận 2	7.479.162.132	272.272.727
Hệ thống cấp nước Phường Trảng Dài	7.011.232.638	4.455.222.400
Tuyến ống cấp nước khu vực Ấp Ông Hường Xã Thiện Tân	5.031.745.455	-
Tuyến ống chuyển tải HDPE D300 Gia Ray	4.714.140.909	-
Hệ thống cấp nước Thị trấn Tân Phú	3.214.767.823	2.835.676.811
Thay thế 3 máy bơm Xí nghiệp nước Long Bình	2.014.590.000	-
Hệ thống cấp nước Hóa An - Tân Hạnh	-	4.111.190.875
Dự án khác	10.274.016.054	8.225.524.979
Cộng	1.201.334.438.204	1.055.217.300.007

(Phần tiếp theo trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	474.256.721.700	620.863.836.852	1.308.642.833.395	19.335.974.802	2.809.662.844	2.425.909.029.593
Mua trong kỳ	1.095.199.000	5.508.761.891	-	195.357.678	-	6.799.318.569
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	15.795.546.019	-	-	15.795.546.019
Tặng khác	-	-	27.676.952	-	-	27.676.952
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(48.416.100)	-	(48.416.100)
Số dư cuối kỳ	475.351.920.700	626.372.598.743	1.324.466.056.366	19.482.916.380	2.809.662.844	2.448.483.155.033
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	193.907.500.587	230.143.287.101	507.933.278.055	6.210.386.306	1.973.209.003	940.167.661.052
Khấu hao trong kỳ	22.780.378.213	27.955.171.796	32.374.180.712	1.217.252.484	140.483.142	84.467.466.347
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.014.406.331	-	-	7.014.406.331
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(48.416.100)	-	(48.416.100)
Số dư cuối kỳ	216.687.878.800	258.098.458.897	547.321.865.098	7.379.222.690	2.113.692.145	1.031.601.117.630
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	280.349.221.113	390.720.549.751	800.709.555.340	13.125.588.496	836.453.841	1.485.741.368.541
Tại ngày cuối kỳ	258.664.041.900	368.274.139.846	777.144.191.268	12.103.693.690	695.970.699	1.416.882.037.403

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.139.701.383.021 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.771.211.929 đồng.

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quy hoạch bản đồ	Phần mềm máy vi tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	23.560.058.223	2.814.843.027	386.048.088	26.760.949.338
Mua trong kỳ	-	-	140.000.000	140.000.000
Số dư cuối kỳ	23.560.058.223	2.814.843.027	526.048.088	26.900.949.338
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	239.188.694	1.338.742.293	268.548.088	1.846.479.075
Khấu hao trong kỳ	271.960.861	192.534.878	58.888.889	523.384.628
Số dư cuối kỳ	511.149.555	1.531.277.171	327.436.977	2.369.863.704
Giá trị còn lại:				
Tại ngày đầu năm	23.320.869.529	1.476.100.734	117.500.000	24.914.470.263
Tại ngày cuối kỳ	23.048.908.668	1.283.565.856	198.611.111	24.531.085.634

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 3.876.488.898 đồng – Xem thêm mục 5.10

(Phần tiếp theo trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí đánh giá lại tài sản cổ phần hóa	468.644.425	937.288.849
Công cụ dụng cụ	1.041.642.852	2.906.582.219
Cộng	1.510.287.277	3.843.871.068

(Phần tiếp theo trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	313.331.672.475	313.331.672.475	235.826.156.235	274.214.651.339	351.720.167.579	351.720.167.579	
Vay dài hạn	1.330.289.287.336	1.330.289.287.336	452.044.015.389	-	878.245.271.947	878.245.271.947	
Cộng	1.643.620.959.811	1.643.620.959.811	687.870.171.624	274.214.651.339	1.229.965.439.526	1.229.965.439.526	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Cuối kỳ (VND)	Đầu năm (VND)	
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	6,5%/năm - 7%/năm	106.943.717.246	96.083.343.475	(a)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	VND	7,2%/năm	2.228.190.133	45.141.985.395	(b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,2%/năm – 6,5%/năm	34.768.413.672	46.468.538.178	(c)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	VND	4,6%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000	(d)
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương		9,5%/năm	45.199.116.603	12.946.177.552	(e)
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	16.416.400.000	14.286.400.000	(f)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9%/năm	-	6.207.865.411	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,3%/năm đối với khoản vay JPY	87.485.834.821	110.585.857.568	(g)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm	290.000.000	-	(h)
Cộng			313.331.672.475	351.720.167.579	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Cuối kỳ (VND)	Đầu năm (VND)	
<i>Khoản vay dài hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công Thương	VND	9,5%/năm	2021	198.617.470.711	89.504.394.205	(e)
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	2018	46.529.533.566	41.070.523.273	(f)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	USD, JPY	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,3%/năm đối với khoản vay JPY	2028	1.080.479.471.593	747.670.354.469	(g)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm	2022	4.662.811.466	-	(h)
Cộng				1.330.289.287.336	878.245.271.947	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011.
- + Hệ thống cấp nước Thanh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011.
- + Quyền sử dụng đất tại Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số O934404 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/03/2000.
- + Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312604100101 do Sở Xây Dựng cấp ngày 23/4/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 14.31.300039704/HĐTC-BDS-DOWACO ngày 14/08/2014.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Một phần nhà máy nước Thiện Tân.
- + Công trình hệ thống cấp nước Thanh Phú.
- + Một phần tài sản hình thành từ dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1.
- + QSD đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đnai theo GCN QSD đất số O934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Tuyến ống cấp nước công suất 3.100 m3/ngày đêm tại khu phố 3,4 phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa.
- + Toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư thiết bị máy bơm ly tâm trục đứng Q = 1.000m3/h cho trạm bơm nước thô Xí nghiệp nước Biên Hòa.
- + Tuyến ống chuyển tải cấp nước công suất 6.800m3/ ngày đêm cho Khu dân cư Khu phố 9, 11, Phường Tân Phong, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- + 02 máy bơm dự phòng cho Xi nghiệp nước Thiện Tân.
- + 09 máy bơm cho Xi nghiệp nước Biên Hoà, Vĩnh An, Xuân Lộc.
- + Nhà làm việc Xi nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
- + Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước phường Tân Biên, TP Biên Hoà.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch.

Các hợp đồng tại mục (b), (c), (d) và (h) là các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho các khoản vay - xem thêm mục thuyết minh 5.7 và 5.8

Chi tiết các khoản vay đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

(Phần tiếp theo trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.11. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	8.591.465.622	8.591.465.622	4.447.005.901	4.447.005.901
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	2.734.676.890	2.734.676.890	1.289.125.860	1.289.125.860
Phải trả cho các đối tượng khác	13.748.499.614	13.748.499.614	50.166.817.057	50.166.817.057
Cộng	25.074.642.126	25.074.642.126	55.902.948.818	55.902.948.818
Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	16.466.323.376	16.466.323.376	-	-
Cộng	16.466.323.376	16.466.323.376	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8				
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	16.556.974.781	16.556.974.781	16.691.847.003	16.691.847.003
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	8.591.465.622	8.591.465.622	4.447.005.901	4.447.005.901
Cộng	25.148.440.403	25.148.440.403	21.138.852.904	21.138.852.904

(Phần tiếp theo trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.904.149.145	7.524.232.858	29.054.377.915	3.374.004.088
Thuế thu nhập cá nhân	548.847.779	1.210.812.097	1.663.433.073	96.226.803
Thuế tài nguyên	222.799.236	1.647.773.034	1.613.463.804	257.108.466
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.680.173.743	138.387.739	3.818.561.482	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	1.966.264.943	12.165.202.841	11.968.552.960	2.162.914.824
Cộng	31.322.234.846	22.691.408.569	48.123.389.234	5.890.254.181
	Đầu năm	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu trong kỳ	Cuối kỳ
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	15.251.048.838	5.161.604.729	15.251.048.838	5.161.604.729
Cộng	15.251.048.838	5.161.604.729	15.251.048.838	5.161.604.729

(Phần tiếp theo trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.13. Phải trả khác

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tiền nước chưa quyết toán	10.151.441.007	10.202.479.937
Phí bảo vệ môi trường	2.193.849.861	2.008.394.283
Kinh phí công đoàn	1.614.086.180	1.617.140.864
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai	292.225.331	434.725.314
Khoản thanh toán liên quan các dự án xây dựng cơ bản dở dang	-	367.695.643.662
Các khoản phải trả, phải nộp khác	648.987.124	84.732.592.354
Cộng	14.900.589.503	466.690.976.414
Dài hạn:		
Phải trả ngân sách	37.972.929.800	32.753.790.300
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	3.996.453.355	3.996.453.355
Phải trả dự án di dời trạm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Khoản tài trợ từ Công ty Kolon Contruction	1.224.630.400	1.224.630.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.104.136	9.584.841.207
Cộng	45.161.117.691	49.464.715.262

(Phần tiếp theo trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.14. Vốn chủ sở hữu**5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

ĐVT: Nghìn đồng

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	320.907.986	-	25.248.147	-	19.363.701	117.781.123	483.300.957
Tăng vốn trong năm trước	679.092.014	-	-	-	-	-	679.092.014
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	131.481.254	-	131.481.254
Trích lập quỹ trong năm	-	-	4.254.410	-	(4.254.410)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9.926.957)	-	(9.926.957)
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	163.178.981	-	-	163.178.981
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	(25.248.147)	(163.178.981)	(19.363.701)	(117.781.123)	(325.571.952)
Nộp về Tổng Công ty	-	-	-	-	(7.739.837)	-	(7.739.837)
Xác định giá trị doanh nghiệp(*)	-	15.552.270	(4.254.410)	-	-	-	11.297.860
Số dư đầu năm nay	<u>1.000.000.000</u>	<u>15.552.270</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>109.560.049</u>	<u>-</u>	<u>1.125.112.319</u>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	35.712.113	-	35.712.113
Giảm khác	-	-	-	-	(906.895)	-	(906.895)
Số dư cuối kỳ	<u>1.000.000.000</u>	<u>15.552.270</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.365.267</u>	<u>-</u>	<u>1.159.917.537</u>

(*) Căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai để bàn giao vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2014.

(Phần tiếp theo trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	639.891.000.000	639.891.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	360.109.000.000	360.109.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	5.472,26	1.269,19

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp nước	325.804.273.054	226.565.225.510
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	17.354.865.055	9.005.215.677
Cộng	343.159.138.109	235.570.441.187
Doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 7		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	10.682.875.720	17.809.221.100
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	12.477.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	522.957.474	167.880.084
Cộng	11.218.310.694	17.977.101.184

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

6.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	227.872.305.192	169.311.197.048
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.858.924.570	9.158.156.133
Cộng	240.731.229.762	178.469.353.181
Giá vốn hàng bán đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	20.000.000	30.781.818
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	25.778.913.414	11.345.077.722
Cộng	25.798.913.414	11.375.859.540

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm mục 8	9.035.287.615	6.261.919.615
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	266.192.479	1.143.958.353
Cộng	9.301.480.094	7.405.877.968

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.5. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

6.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên	8.859.590.350	7.721.520.561
Chi phí vật liệu, bao bì	9.661.507.119	6.822.169.502
Chi phí bằng tiền khác	8.896.155.782	5.613.587.788
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.187.750.018	1.080.052.702
Cộng	29.605.003.269	21.237.330.553

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên	10.922.761.961	8.305.711.044
Chi phí bằng tiền khác	4.170.247.199	4.193.425.955
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.878.163.834	3.181.363.022
Cộng	18.971.172.994	15.680.500.021

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.524.232.858	1.021.357.230
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ	-	109.723.308
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.524.232.858	1.131.080.538

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.617.516.572	15.359.163.302
Chi phí nhân công	76.025.124.149	58.804.982.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.990.850.975	69.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.753.690.579	27.934.555.887
Chi phí khác bằng tiền	63.983.909.890	39.471.653.837
Cộng	276.371.092.165	210.570.356.021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	994.952.374.961
Cộng	994.952.374.961

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	581.657.152.176
Cộng	581.657.152.176

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Long Thành	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	Công ty liên kết
6. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	Công ty liên quan
7. Ông Phan Hùng	Giám đốc
8. Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
9. Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
10. Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
11. Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3		
Các công ty ty con	3.948.971.796	-
Các công ty liên kết	1.278.687.360	878.687.360
Cộng	5.227.659.156	878.687.360

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải trả – Xem thêm mục 5.11		
Các công ty con	16.556.974.781	16.691.847.003
Các công ty liên kết	8.591.465.622	4.447.005.901
Cộng	25.148.440.403	21.138.852.904

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vay – Xem thêm mục 5.10		
Các công ty con	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

▪ Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1		
Các công ty con	10.695.353.220	17.809.221.100
Các công ty liên kết	522.957.474	167.880.084
Cộng	11.218.310.694	17.977.101.184

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Mua hàng – Xem thêm mục 6.3		
Các công ty con	20.000.000	30.781.818
Các công ty liên kết	12.956.854.950	1.446.833.700
Cộng	12.976.854.950	1.477.615.518

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.3	25.778.913.414	11.345.077.722
Công ty liên kết	25.778.913.414	11.345.077.722
Cộng		

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cổ tức lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 6.4	7.829.287.615	5.207.419.615
Các công ty con	1.206.000.000	904.500.000
Các công ty liên kết	-	150.000.000
Công ty liên quan	9.035.287.615	6.261.919.615
Cộng		

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000	-
Thu nhập Ban Giám đốc	2.318.443.972	2.364.408.000
Cộng	2.534.443.972	2.364.408.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN BÁN NIÊN NĂM 2015

- Công ty đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.
- Ngày 03 tháng 08 năm 2015, Công ty đã công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty mẹ là Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp đã chấp nhận chủ trương của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thực hiện phương án chuyển nhượng Khách sạn Công Đoàn.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 08 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THANH TÂM**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

NGUYỄN THU OANH**GIÁM ĐỐC****PHAN HÙNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

PHỤ LỤCVề việc giải trình số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Theo số liệu cuối năm trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014	Theo số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015	Chênh lệch (*)
1. Tài sản dài hạn	2.686.153.887.632	2.686.969.954.259	816.066.627
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	116.436.877.753	117.252.944.380	816.066.627
3. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	9.638.335.663	10.454.402.290	816.066.627
4. Tổng cộng tài sản	2.978.351.768.357	2.979.167.834.984	816.066.627
5. Nợ phải trả	1.853.228.808.102	1.863.710.601.510	10.481.793.408
6. Nợ ngắn hạn	424.278.670.108	413.796.876.700	(10.481.793.408)
7. Phải trả ngắn hạn khác	109.477.126.160	98.995.332.752	(10.481.793.408)
8. Vốn chủ sở hữu	1.114.641.166.847	1.125.939.026.882	11.297.860.035
9. Vốn chủ sở hữu	1.113.814.459.039	1.125.112.319.074	11.297.860.035
10. Thặng dư vốn cổ phần	-	15.552.270.309	15.552.270.309
11. Quỹ đầu tư phát triển	4.254.410.274	-	(4.254.410.274)
12. Tổng cộng nguồn vốn	2.978.351.768.357	2.979.167.834.984	816.066.627

(*) Số chênh lệch giữa số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán năm nay của Công ty và số liệu cuối năm trên Bảng Cân đối kế toán năm trước là do Công ty đã tiến hành xác định lại giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai để bàn giao vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2014 - Căn cứ biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 26/03/2015.